

Bản án số: 574/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022; Thông báo dời ngày xét xử ngày 14 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022; Thông báo dời ngày xét xử ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: B7-02 chung cư Vstar, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cúc P, sinh năm 1974; Địa chỉ: B7-02 chung cư Vstar, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 của nguyên đơn ông Lê Anh T, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Cúc P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 052, quyển số 01/2004, do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/6/2004. Do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, quan điểm chính trị, khiến ông Tsuy nghĩ nhiều nên bị ảnh hưởng dây thần kinh số 7 và phải điều trị. Năm 2018 ông Tuấn và bà P đã ly thân, không trao đổi và chia sẻ với nhau. Khoảng tháng 4 năm 2021 đến nay ông T không còn sống chung nhà với bà P, mạnh ai nấy sống. Nên ông T nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà P.

- Về con chung: Ông T và bà P có 01 con chung là Lê Nguyễn Lâm A, sinh ngày 29/9/2004. Sau khi ly hôn ông T muốn giao con cho bà P trực tiếp chăm sóc và nuôi

đường, ông Tcấp đường nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Tài sản chung, nợ chung: Ông Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị Cúc P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P đồng ý với lời trình bày của ông Tvề việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Nay ông Tyêu cầu ly hôn với bà, bà P không đồng ý ly hôn, lý do: Bà P và ông Tcó mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, hai vợ chồng đều làm việc trong lĩnh vực âm nhạc nên luôn thấu hiểu và tôn trọng nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc. Năm 2021, vì dịch bệnh Covid - 19 kéo dài nên vợ chồng bà P không có thu nhập, gia đình khó khăn về kinh tế, do có khoản nợ của Ngân hàng vay khi mua căn hộ đang ở nên không có tiền để trả cho Ngân hàng hàng tháng khiến vợ chồng bà P căng thẳng, áp lực, ông Tđòi bán căn nhà nhưng bà P không đồng ý. Bà P đã mượn tiền của gia đình để trả nợ vượt qua khó khăn, hiện nay công việc đã ổn định, khó khăn đã hết nên bà P muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

- Về con chung: Bà P xác nhận bà và ông Tcó 01 con chung tên là Lê Nguyễn Lâm A, sinh ngày 29/9/2004. Do trẻ Anh bị bệnh, nếu ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, bà P yêu cầu ông Tcấp đường nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Tgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà P, yêu cầu bà P nuôi con chung, ông Tđồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, tài sản chung, nợ chung, hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không đồng ý ly hôn với ông Tuấn, bà P cho rằng ông Tbịa đặt, nói dối, không trung thực, nếu ông Tnói sự thật bà sẽ đồng ý ly hôn. Bà P đồng ý nuôi con chung, yêu cầu ông Tcấp đường nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tài sản chung, nợ chung, hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông Lê Anh T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cúc P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cúc P có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 052, quyền số 01/2004, do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/6/2004, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Cúc P là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông T và bà P kết hôn năm 2004. Theo ông Tuấn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu, đến năm 2018 thì hai vợ chồng sống ly thân do không còn tình yêu, do hai người không cùng quan điểm sống, khác nhau về quan điểm chính trị, xã hội, khiến vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn nghiêm trọng nên ông T bị ảnh hưởng đến sức khỏe phải điều trị. Nay ông T không còn tình cảm với bà P, cuộc sống hôn nhân không như ý, nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà P.

Ngược lại, bà P không đồng ý ly hôn với ông Tuấn, vì bà P cho rằng tình cảm vợ chồng bà không mâu thuẫn nghiêm trọng như ông T trình bày, những lời nói của ông T là bịa đặt. Bà P mong muốn đoàn tụ gia đình, để cùng nuôi dạy con chung đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa, bà P thừa nhận không còn tình cảm với ông Tuấn, đôi khi chỉ còn lòng thù hận, nhưng bà P không đồng ý ly hôn với ông T vì cho rằng ông T nói dối, nếu ông T nói ra sự thật bà P sẽ đồng ý ly hôn.

Xét, giữa ông T và bà P sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Ông T đã một lần gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, nhưng ông T rút đơn là ông T muốn gia đình hàn gắn, tuy nhiên đến nay giữa ông T và bà P không thể hàn gắn được mối quan hệ này. Nay ông T không còn tình cảm với bà P, bà P cũng thừa nhận không còn tình cảm với ông Tuấn, hiện tại hai người mạnh ai nấy sống, ông T sống riêng từ tháng 4 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc ông T yêu cầu ly hôn với bà P là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tuấn.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 174, quyền số 01/2004 được cấp bởi Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/10/2004, có cơ sở để xác định ông T và bà P có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Lâm A, sinh ngày 29/9/2004, ông T có yêu cầu giao con chung cho bà P nuôi dưỡng.

Xét, trẻ Anh hiện nay đang sống chung với bà P, bà P cũng có yêu cầu được nuôi con chung, trẻ Lê Nguyễn Lâm A có nguyện vọng được ở với mẹ là bà P, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó Hội đồng xét xử giao trẻ Lê Nguyễn Lâm A, sinh ngày 29/9/2004 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên (trên 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đôi bên đương sự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con, nên ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Nguyễn Lâm A mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, và phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, Điều 81, các Điều 82, 83, 85, 107, 110, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Anh T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Anh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cúc P.

[1.2] Về con chung: Giao trẻ Lê Nguyễn Lâm A, sinh ngày 29/9/2004 cho bà Nguyễn Thị Cúc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên (trên 18 tuổi).

Ông Lê Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Nguyễn Lâm A sinh ngày 29/9/2004 mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu

đồng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp ông Lê Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Lê Anh T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[1.4] Tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Cúc P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Lê Anh T phải chịu. Ông Lê Anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014330 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Ông Lê Anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[3] Quyền kháng cáo: Ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị Cúc P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[4] Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM
- UBND phường Tân Mai,
- thành phố Biên Hòa, tỉnh. Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân